

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

---

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Võ Đức Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Ủy viên
Ông Đinh Văn Dũng	Ủy viên

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Lê Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen,  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

đính kèm báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**



**Lê Quốc Khánh**

**Tổng Giám đốc**

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026



Số: 2403.06-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

A blue ink signature of the auditor.

**Đặng Thị Thu Hằng**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3744-2026-034-1



Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.815.611.646</b>	<b>146.944.463.742</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.070.733.967</b>	<b>4.145.024.857</b>
1 Tiền	111	V.1.	9.070.733.967	4.145.024.857
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.822.279.273</b>	<b>60.321.389.316</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	63.090.952.828	55.037.884.130
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	5.003.836.562	5.588.557.176
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	683.330.066	824.108.209
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(2.955.840.183)	(1.129.160.199)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>74.928.020.429</b>	<b>77.848.097.526</b>
1 Hàng tồn kho	141		75.262.883.604	78.543.124.453
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(334.863.175)	(695.026.927)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.994.577.977</b>	<b>4.629.952.043</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	988.453.273	384.683.985
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.003.267.943	4.111.626.503
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	2.856.761	133.641.555
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>159.566.337.797</b>	<b>158.413.073.182</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.485.495.215</b>	<b>114.048.430.391</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	119.275.271.552	88.909.426.429
- Nguyên giá	222		287.128.472.169	243.440.991.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.853.200.617)	(154.531.564.727)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	25.210.223.663	25.139.003.962
- Nguyên giá	228		27.116.594.160	26.625.078.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.906.370.497)	(1.486.074.818)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.481.930.725</b>	<b>34.604.300.250</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	8.481.930.725	34.604.300.250
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.598.911.857</b>	<b>9.760.342.541</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	6.598.911.857	9.760.342.541
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>311.381.949.443</b>	<b>305.357.536.924</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>176.593.196.764</b>	<b>175.210.471.635</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>154.848.335.638</b>	<b>149.330.072.373</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	61.792.184.502	52.140.596.318
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	13.707.157.394	26.376.567.862
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	1.759.563.955	1.120.186.918
4 Phải trả người lao động	314		9.461.537.193	8.060.251.153
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	5.136.096.120	6.430.713.716
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	9.090.910	29.545.456
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	5.005.630.395	5.791.956.769
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	57.584.379.754	48.906.578.766
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		392.695.415	473.675.415
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.744.861.126</b>	<b>25.880.399.262</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	21.133.306.910	25.468.845.046
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		611.554.216	411.554.216
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134.788.752.679</b>	<b>130.147.065.289</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>134.788.752.679</b>	<b>129.806.408.745</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.344.180.000	99.344.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.344.180.000	99.344.180.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.223.600.000	2.223.600.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		12.690.810.784	12.090.810.784
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.530.161.895	16.147.817.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		396.190.961	352.823.949
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.133.970.934	15.794.994.012
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>340.656.544</b>
1 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	340.656.544
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>311.381.949.443</b>	<b>305.357.536.924</b>

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Sáng

Phan Thị Tinh



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	420.492.406.924	420.790.506.303
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	12.955.410.963	11.498.624.119
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		407.536.995.961	409.291.882.184
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	292.281.645.174	301.027.476.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		115.255.350.787	108.264.405.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	112.075.498	662.825.210
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	4.713.942.493	3.758.565.334
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.382.215.981	3.541.106.728
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	69.065.825.643	71.037.030.044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	19.394.277.669	14.203.137.992
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		22.193.380.480	19.928.497.623
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	2.631.423.735	1.446.174
12. Chi phí khác	32	VI.8.	97.781.629	67.447.815
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		2.533.642.106	(66.001.641)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.727.022.586	19.862.495.982
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	4.593.051.652	4.067.501.970
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.133.970.934	15.794.994.012
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	2.026,69	1.564,76

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Sáng

Kế toán trưởng



Phan Thị Tinh

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.727.022.586	19.862.495.982
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.041.122.478	11.652.968.097
- Các khoản dự phòng	03		1.466.516.232	695.026.927
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		32.515.380	(2.233.979)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(79.121.408)	(7.001.399)
- Chi phí lãi vay	06		4.382.215.981	3.541.106.728
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.570.271.249	35.742.362.356
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.088.426.587)	10.723.133.382
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.280.240.849	(9.859.668.988)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.644.710.949)	21.979.888.434
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.557.661.396	(2.239.020.376)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.464.854.908)	(3.528.588.902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.988.252.759)	(4.451.685.190)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	40.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(471.636.544)	(404.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>34.750.291.747</b>	<b>48.002.720.716</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.355.817.777)	(58.412.895.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.272	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.394.136	7.001.399
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.276.696.369)</b>	<b>(58.405.893.816)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		200.722.362.907	281.943.804.920
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(196.380.100.055)	(259.630.290.423)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.901.627.000)	(11.921.301.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.559.364.148)</b>	<b>10.392.212.897</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.914.231.230	(10.960.203)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.145.024.857	4.154.823.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.477.880	1.161.809
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	9.070.733.967	4.145.024.857

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Sáng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tinh



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tĩnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29/12/2004. Công ty có 21 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 thay đổi lần 21 ngày 22/9/2025 thì vốn Điều lệ của Công ty là **99.344.180.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là HDP.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh; Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất đồ uống không cồn; Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người. Bán lẻ vắc xin, sinh phẩm y tế;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khỏe;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn vắc xin, sản phẩm y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.

**Trụ sở Công ty tại:** Số 167 đường Hà Huy Tập, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

<b>Tên Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Nhà số 3, ngõ 122, đường Láng, Phường Đồng Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 18 Đường số 50B, Khu phố 38, Phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa	Lô A46, MBQH 1855, Đường Chi Lăng, Phố Ngọc Mai, Phường.Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Chi nhánh tỉnh Nghệ An	Khu đô thị mới - Tây đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh - Xóm 2, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Lộc Hà	Xóm 1, Xã Mai Phụ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Kỳ Anh	Khu phố 2 - Thị trấn Kỳ Anh, Phường Sông Trí, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Thạch Hà	Khối 10, Xã Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên	Tổ 13, Xã Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Can Lộc	Khố 6B, Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Nghi Xuân	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 10, tổ dân phố 4, Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Đức Thọ	Tổ dân phố Hùng Dũng, Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Hương Sơn	Thôn 5, Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh huyện Hương Khê	Tổ dân phố 2, Thị trấn Hương Khê, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	50 Nguyễn Xí, phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Chi nhánh Nha Trang	Lô 09 – STH24 Đường số 10, Khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 564 nhân viên (Tại ngày 31/12/2024 là 580 nhân viên).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**2. Ước tính kế toán**

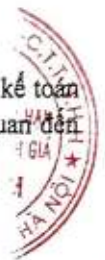
Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khoá sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
Tài sản cố định khác	07 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm máy tính.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; Chi phí bảo trì phần mềm; Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh; Sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy; Thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bộng - Đức Bông - Vũ Quang; Chi phí dịch vụ phần mềm và các chi phí trả trước khác chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm: Chi phí bảo trì phần mềm quản lý hệ thống phân phối ERP phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thực tế trên hợp đồng bảo trì.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh là toàn bộ các khoản chi phí mà Công ty chi ra phục vụ cho việc giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng Nhà máy Cẩm Vịnh và được phân bổ theo thời gian khấu hao của Nhà máy,

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy là các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bông - Đức Bông - Vũ Quang là chi phí trả trước tiền thuê ki ốt kinh doanh phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian thực tế theo thỏa thuận hợp đồng.

Chi phí dịch vụ phần mềm là chi phí trả trước gói dịch vụ sử dụng phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian sử dụng phần mềm quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ phần mềm.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí trích trước của các chương trình khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

**12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê tài sản và lãi tiền gửi.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Doanh thu gia công**

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, phí bảo lãnh hợp đồng và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm.

**16. Các nghĩa vụ về thuế****Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**19. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.228.314.781	552.013.221
Tiền gửi ngân hàng	7.842.419.186	3.135.011.636
Tiền đang chuyển	-	458.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.070.733.967</b>	<b>4.145.024.857</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Rosabela Việt Nam	3.249.664.943	-	3.229.409.107	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cali Group	3.064.529.321	-	-	-
Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	2.303.671.741	-	2.984.930.617	-
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Hà Tĩnh	2.624.948.597	-	3.010.492.609	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Khánh Nguyên	-	-	4.347.847.809	-
Các đối tượng khác	51.848.138.226	(2.019.160.161)	41.465.203.988	(1.129.160.199)
<b>Cộng</b>	<b>63.090.952.828</b>	<b>(2.019.160.161)</b>	<b>55.037.884.130</b>	<b>(1.129.160.199)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Xây lắp 998	2.137.454.800	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Bình Tài	1.526.544.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Linh	306.027.000	-	1.216.000.000	-
Dunham-Bush Industries SDN. BHD	-	-	944.727.510	-
Meggle Usa Inc	-	-	974.100.000	-
Các đối tượng khác	1.033.810.762	(714.045.797)	2.453.729.666	-
<b>Cộng</b>	<b>5.003.836.562</b>	<b>(714.045.797)</b>	<b>5.588.557.176</b>	<b>-</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	374.091.555	-	281.478.937	-
Phải thu khác	309.238.511	(222.634.225)	542.629.272	-
<i>Thiếu Đăng Hưng</i>	<i>131.902.225</i>	<i>(131.902.225)</i>	<i>131.902.225</i>	-
Các đối tượng khác	177.336.286	(90.732.000)	410.727.047	-
<b>Cộng</b>	<b>683.330.066</b>	<b>(222.634.225)</b>	<b>824.108.209</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác của các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**5. Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>2.019.160.161</b>	<b>-</b>	<b>1.129.160.199</b>	<b>-</b>
Phòng khám đa khoa Thiện Tâm	216.530.614	-	216.530.614	-
Công ty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	134.757.128	-	134.757.128	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Cao Nguyên	134.372.574	-	134.372.574	-
Từ Thị Sâm	621.001.643	-	621.001.643	-
Các đối tượng khác	912.498.202	-	22.498.240	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<i>Trả trước cho người bán</i>	714.045.797	-	-	-
Hà Phương Bắc	340.600.000	-	-	-
Các đối tượng khác	373.445.797	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	222.634.225	-	-	-
Thiếu Đăng Hưng	131.902.225	-	-	-
Các đối tượng khác	90.732.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.955.840.183</b>	<b>-</b>	<b>1.129.160.199</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.765.685.910	(308.783.119)	43.875.917.026	(628.070.281)
Công cụ, dụng cụ	168.238.873	(5.776.822)	177.973.161	(5.776.822)
Thành phẩm	23.156.288.536	-	25.064.294.506	(40.876.590)
Hàng hóa	7.172.670.285	(20.303.234)	9.424.939.760	(20.303.234)
<b>Cộng</b>	<b>75.262.883.604</b>	<b>(334.863.175)</b>	<b>78.543.124.453</b>	<b>(695.026.927)</b>

**7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	22.422.122.000	4.202.956.780	26.625.078.780
Mua trong năm	491.515.380	-	491.515.380
Số dư ngày 31/12/2025	22.913.637.380	4.202.956.780	27.116.594.160
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	-	1.486.074.818	1.486.074.818
Khấu hao trong năm	-	420.295.679	420.295.679
Số dư ngày 31/12/2025	-	1.906.370.497	1.906.370.497
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2025	22.422.122.000	2.716.881.962	25.139.003.962
Tại ngày 31/12/2025	22.913.637.380	2.296.586.283	25.210.223.663

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.073.122.000 VND (Tại ngày 31/12/2024: 19.073.122.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2025	115.369.204.698	112.381.373.728	14.965.050.678	725.362.052	243.440.991.156
Mua trong năm	-	9.944.659.386	2.010.301.755	-	11.954.961.141
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.031.710.781	-	-	-	33.031.710.781
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.299.190.909)	-	(1.299.190.909)
Số dư ngày 31/12/2025	148.400.915.479	122.326.033.114	15.676.161.524	725.362.052	287.128.472.169
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2025	65.231.280.595	78.014.446.720	11.231.709.177	54.128.235	154.531.564.727
Khấu hao trong năm	5.120.346.405	8.280.049.047	1.156.685.163	63.746.184	14.620.826.799
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.299.190.909)	-	(1.299.190.909)
Số dư ngày 31/12/2025	70.351.627.000	86.294.495.767	11.089.203.431	117.874.419	167.853.200.617
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2025	50.137.924.103	34.366.927.008	3.733.341.501	671.233.817	88.909.426.429
Tại ngày 31/12/2025	78.049.288.479	36.031.537.347	4.586.958.093	607.487.633	119.275.271.552

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.539.716.277 VND (Tại ngày 31/12/2024: 108.768.203.264 VND).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 54.919.835.103 VND (Tại ngày 31/12/2024: 63.519.036.768 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình xưởng sản xuất viên nang mềm	109.090.909	109.090.909
Chi phí xây dựng "Nhà xưởng sản xuất thuốc viên nén, nhà xưởng sản xuất thuốc kem, mỡ nước và nhà quản lý chất lượng QA" (*)	8.372.839.816	-
Chi phí đầu tư phòng cháy chữa cháy	-	92.592.593
Mua sắm máy móc thiết bị	-	2.729.520.454
Mua nhà tại Dự án An Quý Villas	-	31.673.096.294
<b>Cộng</b>	<b>8.481.930.725</b>	<b>34.604.300.250</b>

(\*) Dự án đầu tư tại Khu liên hợp sản xuất dược phẩm Hatipharco - Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh với tổng giá trị là 23,4 tỷ VND, dự kiến hoàn thành trước 30/9/2026. Tính đến thời điểm lập báo cáo, dự án đang trong giai đoạn thi công.

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>988.453.273</b>	<b>384.683.985</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	370.330.493	295.644.395
Chi phí bảo hiểm	416.118.870	89.039.590
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	202.003.910	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.598.911.857</b>	<b>9.760.342.541</b>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	83.017.421	515.229.838
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy	5.786.031.625	7.866.052.284
Chi phí phần mềm Base	655.500.000	917.700.000
Chi phí trả trước khác	74.362.811	461.360.419
<b>Cộng</b>	<b>7.587.365.130</b>	<b>10.145.026.526</b>

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thương mại Dược phẩm 3A	1.876.764.360	1.876.764.360	4.674.296.280	4.674.296.280
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	5.237.188.000	5.237.188.000	3.694.545.500	3.694.545.500
Công ty CP Hóa Dược Quốc tế Hà Nội	2.167.407.850	2.167.407.850	2.951.022.406	2.951.022.406
Công ty TNHH Hóa dược phẩm Phương Phúc	1.294.108.750	1.294.108.750	2.434.140.000	2.434.140.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty TNHH Linh Hưng	-	-	2.126.301.250	2.126.301.250
Công ty CP Thương mại Dược vật tư y tế Khải Hà	3.956.042.549	3.956.042.549	1.945.058.129	1.945.058.129
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	1.955.978.266	1.955.978.266	1.919.073.833	1.919.073.833
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	2.854.779.924	2.854.779.924	1.818.482.435	1.818.482.435
Aristopharma LTD	4.515.214.860	4.515.214.860	978.630.795	978.630.795
Công ty CP Dược Phúc Thái	6.674.013.750	6.674.013.750	501.993.000	501.993.000
Các đối tượng khác	31.260.686.193	31.260.686.193	29.097.052.690	29.097.052.690
<b>Cộng</b>	<b>61.792.184.502</b>	<b>61.792.184.502</b>	<b>52.140.596.318</b>	<b>52.140.596.318</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Dược phẩm Song Vân	10.755.454.309	19.410.211.629
Công ty TNHH Corex Biophar	495.583.305	3.287.987.355
Công ty CP Dược phẩm Generic	-	1.150.000.000
Công ty CP Dược Phúc Thái	-	972.992.200
Các đối tượng khác	2.456.119.780	1.555.376.678
<b>Cộng</b>	<b>13.707.157.394</b>	<b>26.376.567.862</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2025
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	17.905	891.514.796	860.525.638	31.007.063
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.440.759.977	1.440.759.975	2
Thuế nhập khẩu	-	13.282.500	13.282.500	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.608.977	273.931.842	279.470.516	38.070.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	959.992.950	4.593.051.652	3.988.252.759	1.564.791.843
Thuế thu nhập cá nhân	103.165.506	1.622.715.595	1.600.186.357	125.694.744
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	530.785.054	530.785.054	-
Các loại thuế khác	13.401.580	36.495.084	49.896.664	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	19.560.667	19.560.667	-
<b>Cộng</b>	<b>1.120.186.918</b>	<b>9.422.097.167</b>	<b>8.782.720.130</b>	<b>1.759.563.955</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***b) Phải thu**

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	130.784.794	130.784.794	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.758.448	-	-	2.758.448
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98.313	-	-	98.313
<b>Cộng</b>	<b>133.641.555</b>	<b>130.784.794</b>	<b>-</b>	<b>2.856.761</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bán hàng phải trả	4.665.243.741	6.348.074.789
Chi phí lãi vay	-	82.638.927
Trích trước lương phép phải trả	205.889.000	-
Trích trước chi phí khác	264.963.379	-
<b>Cộng</b>	<b>5.136.096.120</b>	<b>6.430.713.716</b>

**15. Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	288.320.285	864.573.299
Bảo hiểm xã hội	511.623.904	493.400.076
Bảo hiểm y tế	90.488.074	87.193.591
Bảo hiểm thất nghiệp	40.127.364	38.698.044
Phải trả về cổ phần hoá	1.320.000	1.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.073.750.768	4.306.771.759
<i>Nhận ký quỹ, ký cược</i>	2.445.893.992	2.387.342.406
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</i>	1.627.856.776	1.919.429.353
<b>Cộng</b>	<b>5.005.630.395</b>	<b>5.791.956.769</b>

**b) Phải trả khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	9.090.910	29.545.456
<b>Cộng</b>	<b>9.090.910</b>	<b>29.545.456</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>57.584.379.754</b>	<b>57.584.379.754</b>	<b>202.108.901.043</b>	<b>193.431.100.055</b>	<b>48.906.578.766</b>	<b>48.906.578.766</b>
<b>a1) Vay ngắn hạn</b>	<b>46.622.851.818</b>	<b>46.622.851.818</b>	<b>191.547.373.107</b>	<b>180.874.125.217</b>	<b>35.949.603.928</b>	<b>35.949.603.928</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (1)	21.486.815.148	21.486.815.148	83.444.721.485	69.711.876.159	7.753.969.822	7.753.969.822
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (2)	25.136.036.670	25.136.036.670	108.102.651.622	107.960.346.056	24.993.731.104	24.993.731.104
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (3)	-	-	-	3.201.903.002	3.201.903.002	3.201.903.002
<b>a2) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.961.527.936</b>	<b>10.961.527.936</b>	<b>10.561.527.936</b>	<b>12.556.974.838</b>	<b>12.956.974.838</b>	<b>12.956.974.838</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	9.112.598.886	9.112.598.886	8.712.598.886	7.580.064.000	7.980.064.000	7.980.064.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	1.848.929.050	1.848.929.050	1.848.929.050	4.976.910.838	4.976.910.838	4.976.910.838
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.133.306.910</b>	<b>21.133.306.910</b>	<b>9.174.989.800</b>	<b>13.510.527.936</b>	<b>25.468.845.046</b>	<b>25.468.845.046</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>21.133.306.910</b>	<b>21.133.306.910</b>	<b>9.174.989.800</b>	<b>13.510.527.936</b>	<b>25.468.845.046</b>	<b>25.468.845.046</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	20.805.132.470	20.805.132.470	9.174.989.800	8.987.598.886	20.617.741.556	20.617.741.556
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	328.174.440	328.174.440	-	4.522.929.050	4.851.103.490	4.851.103.490
<b>Cộng</b>	<b>78.717.686.664</b>	<b>78.717.686.664</b>	<b>211.283.890.843</b>	<b>206.941.627.991</b>	<b>74.375.423.812</b>	<b>74.375.423.812</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TỈNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(1) Hợp đồng vay theo hạn mức số 160/25/NH/KHDN ngày 04/11/2025 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 156/25/CTD/KHDN ngày 04/11/2025. Hạn mức dư nợ: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(2) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/2025/511085/HĐTD ngày 12/5/2025. Hạn mức dư nợ: 40 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và các loại bảo lãnh khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2014/511085/HĐBĐ ngày 24/3/2014; Số 03/2014/511085/HĐBĐ ngày 11/8/2014; Số 01/2016/511085/HĐBĐ ngày 04/3/2016; và số 03/2017/511085/HĐDBFF ngày 25/10/2017. Lãi suất vay được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(3) Hợp đồng vay hạn mức số 2404.0200/2024-HĐCVHM/NHCT430-DUOCHT với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, hạn mức dư nợ 10.000.000.000 VND. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hợp pháp, hợp lệ của bên vay. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Hợp đồng đã tắt toán trong năm.

(4) Khoản vay còn lại tại ngày 31/12/2025 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 01/23/TDH/KHDN ngày 15/3/2023. Số tiền vay tối đa là 1,8 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư máy trộn nhũ hóa chân không, Model: SY-HME-200 để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9,8%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 127.792.800 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 02/23/TDH/KHDN ngày 29/6/2023. Số tiền cho vay tối đa là 936.571.500 VND. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư 03 máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất bao gồm: 01 Máy hòa tan 8 cốc PTWS 820D, Model: PTWS 820D; 01 Máy phân cực kẽ, Model: MCP 4100 và 01 Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV, Model: LC-2050. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay cố định 8,7%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 148.835.136 đồng.

- Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 04/23/TDH/KHDN ngày 20/12/2023. Số tiền cho vay tối đa là 657.970.950 đồng. Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến phương án Đầu tư 03 Máy thiết bị xử lý không khí kết hợp dàn ngưng tụ để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023; số 21/23/TC/KHDN ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHDN ngày 09/12/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 217.970.950 đồng.

- Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 03/24/TDH/KHDN ngày 12/6/2024. Số tiền cho vay tối đa là 2,4 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư, mục đích vay Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,1%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thế chấp tài sản là tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014, số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; số 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013, số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/04/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023; số 21/23/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023; số 21/23/TC/KHDN ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHDN ngày 09/12/2023; số 14/24/TC/KHDN ngày 05/6/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 572.422.700 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 04/24/TDH/KHDN ngày 29/8/2024. Số tiền vay tối đa là 27,5 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức phương án đầu tư, mục đích vay tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến phương án đầu tư mua nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty CP Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Hà Nội. Tài sản tại ô đất ký hiệu F10-L31 thuộc dự án An Quý Villas có địa chỉ tại khu đô thị mới Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội. Lãi suất 6,3%/năm cố định trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và nhà ở, Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2023, số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019, số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019, số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021, số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023, số 21/23/TC/KHDN ngày 28/6/2023, số 85/23/TC/KHDN ngày 09/12/2023, số 14/24/TC/KHDN ngày 05/6/2024; số 38/24/TC/KHDN ngày 12/8/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 19.218.719.970 đồng.

- Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 15/24/TDH/KHDN ngày 27/12/2024. Số tiền vay tối đa là 1,1 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm VAT); mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cố định 5,6%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Quyền và sử dụng đất và nhà ở, tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2024, số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 732.000.000 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 151/25/TDH/KHDN ngày 13/5/2025. Số tiền vay tối đa là 1,65 tỷ đồng; Mục đích vay: Đầu tư 04 máy móc thiết bị bao gồm: Máy đóng nang cứng NJP3800C; Máy ép gói thuốc viên FFS-1; Máy đóng hộp tuýp chiều dọc DH-50; Máy dán nhãn chai hai mặt để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 5,1%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 156/25/TC/KHDN ngày 08/5/2025. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 1.374.989.800 đồng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 152/25/TDH/KHDN ngày 04/11/2025 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 156/25/CTD/KHDN ngày 04/11/2025. Số tiền cho vay tối đa là 16.380.000.000 VND; Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án đầu tư xây dựng 03 hạng mục bao gồm: xưởng sản xuất thuốc viên nén; xưởng sản xuất thuốc kem, mỡ nước và nhà quản lý chất lượng QA tại Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Bình, Hà Tĩnh. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất được xác định theo thông báo của Vietcombank tại ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 7.525.000.000 đồng.

(5) Khoản vay còn lại tại ngày 31/12/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/511085/HĐTD ngày 25/8/2023. Số tiền vay 1.896.785.100 VND; thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị là Máy chiết chai, đóng nút trong, nắp ngoài tự động, Model: CJ-500V theo Hợp đồng kinh tế số 27/ND-23 ngày 08/8/2023 được ký giữa Công ty CP Dược Hà Tĩnh và Công ty TNHH Thiết bị New Diamond; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 316.392.550 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/511085/HĐTD ngày 25/9/2023. Số tiền vay 3,36 tỷ đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư 07 máy móc thiết bị phục vụ sản xuất thuốc nhỏ mắt theo Hợp đồng mua bán số AS-HT230920 ngày 20/9/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên sau thời gian ưu đãi được áp dụng từ ngày 25/9/2024 đến ngày 01/3/2025. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 896.536.500 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/511085/HĐTD ngày 18/6/2024. Số tiền vay 1.958.320.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay đầu tư 4 máy móc thiết bị theo Hợp đồng mua bán số AS-HT231127 ngày 27/11/2023 được ký giữa Công ty CP Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited. Lãi suất vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 6,8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2025 là 964.174.440 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	99.344.180.000	2.223.600.000	11.590.810.784	12.774.125.549	125.932.716.333
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.794.994.012	15.794.994.012
Phân phối các quỹ	-	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(11.921.301.600)	(11.921.301.600)
Số dư tại ngày 31/12/2024	99.344.180.000	2.223.600.000	12.090.810.784	16.147.817.961	129.806.408.745
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.133.970.934	20.133.970.934
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	600.000.000	(600.000.000)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(14.901.627.000)	(14.901.627.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	99.344.180.000	2.223.600.000	12.690.810.784	20.530.161.895	134.788.752.679

(\*) Phân phối các quỹ và Chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2025.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Lê Hồng Phúc	12.224.660.000	9.217.390.000
Ông Nguyễn Đăng Phát	7.447.630.000	7.447.630.000
Ông Lê Quốc Khánh	15.701.940.000	11.485.790.000
Ông Võ Đức Nhân	6.455.600.000	6.455.600.000
Các cổ đông khác	57.514.350.000	64.737.770.000
<b>Cộng</b>	<b>99.344.180.000</b>	<b>99.344.180.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp đầu năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp cuối năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.901.627.000	11.921.301.600

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.934.418	9.934.418
- Cổ phiếu phổ thông	9.934.418	9.934.418

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
Dollar Mỹ (USD)	20.530,62	222,39

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ông Vifon	167.808.850	167.808.850
Công ty TNHH Dược Vật tư Y tế Phúc Đức	160.544.433	160.544.433
Ông Võ Văn Ka	4.000.000	4.000.000
Các đối tượng khác	349.523.689	349.523.689
<b>Cộng</b>	<b>681.876.972</b>	<b>681.876.972</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	419.657.497.830	420.137.779.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ	834.909.094	652.727.273
<b>Cộng</b>	<b>420.492.406.924</b>	<b>420.790.506.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	11.521.760.256	10.841.484.510
Hàng bán bị trả lại	1.433.650.707	657.139.609
<b>Cộng</b>	<b>12.955.410.963</b>	<b>11.498.624.119</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng	291.232.995.118	300.332.449.474
Xử lý hàng hoá tồn kho	1.408.813.808	-
Trích lập /Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(360.163.752)	695.026.927
<b>Cộng</b>	<b>292.281.645.174</b>	<b>301.027.476.401</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.394.136	7.001.399
Chiết khấu thanh toán được hưởng	26.498.693	572.885.495
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	57.716.567	55.353.266
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.466.102	27.585.050
<b>Cộng</b>	<b>112.075.498</b>	<b>662.825.210</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	4.382.215.981	3.541.106.728
Chiết khấu thanh toán	61.741.580	64.975.530
Phí bảo lãnh hợp đồng	141.190.788	31.462.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	96.278.764	76.599.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	32.515.380	-
Chi phí tài chính khác	-	44.420.915
<b>Cộng</b>	<b>4.713.942.493</b>	<b>3.758.565.334</b>

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>69.065.825.643</b>	<b>71.037.030.044</b>
Chi phí nhân viên	34.179.787.871	32.388.255.648
Chi phí vật liệu, bao bì	59.683.236	50.488.451

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen  
tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	711.786.800	609.116.759
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.975.894.929	3.218.711.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.205.432.025	2.640.961.380
Chi phí bằng tiền khác	26.933.240.782	32.129.496.033
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>19.477.757.352</b>	<b>14.203.137.992</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.897.529.579	5.307.280.523
Chi phí dụng cụ quản lý	305.654.654	371.098.497
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.431.151.892	333.359.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	637.577.090	654.345.998
Thuế, phí và lệ phí	735.022.138	431.511.220
Chi phí dự phòng	1.826.679.984	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.986.424.804	2.502.693.706
Chi phí bằng tiền khác	6.657.717.211	4.602.848.963
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(83.479.683)</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(83.479.683)	-
<b>Cộng</b>	<b>88.460.103.312</b>	<b>85.240.168.036</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	72.727.272	-
Thu nhập từ xử lý nợ	203.589.722	-
Thu nhập từ hỗ trợ của UBND tỉnh (*)	2.000.000.000	-
Thu nhập khác	355.106.741	1.446.174
<b>Cộng</b>	<b>2.631.423.735</b>	<b>1.446.174</b>

(\*) Khoản hỗ trợ theo Quyết định số 320/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 23/12/2025 về việc bổ sung dự toán thực hiện các chính sách phát triển khoa học và công nghệ.

**8. Chi phí khác**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản phạt hành chính	87.699.901	-
Chi phí khác	10.081.728	67.447.815
<b>Cộng</b>	<b>97.781.629</b>	<b>67.447.815</b>

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.194.841.238	175.039.001.520
Chi phí nhân công	70.840.731.884	64.632.268.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.041.122.478	11.652.968.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.262.229.572	89.554.660.526
Chi phí khác bằng tiền	39.044.857.505	45.871.114.955
<b>Cộng</b>	<b>380.383.782.677</b>	<b>386.750.013.444</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	24.727.022.586	19.862.495.982
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.000.000.000)	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	97.781.629	86.696.496
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	22.824.804.215	19.949.192.478
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.564.960.843	3.989.838.496
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	28.090.809	77.663.474
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.593.051.652</b>	<b>4.067.501.970</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.133.970.934	15.794.994.012
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(250.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(250.000.000)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(250.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.133.970.934	15.544.994.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.934.418	9.934.418
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.026,69	1.564,76

(\*) Năm 2025, lợi nhuận dùng để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(\*\*) Do trên Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty chưa tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	15.794.994.012	-	15.794.994.012
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(250.000.000)	(250.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(250.000.000)	(250.000.000)
<i>+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.794.994.012	(250.000.000)	15.544.994.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.934.418	-	9.934.418
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.589,93		1.564,76

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	200.722.362.907	281.943.804.920
<b>Cộng</b>	<b>200.722.362.907</b>	<b>281.943.804.920</b>

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	196.380.100.055	259.630.290.423
<b>Cộng</b>	<b>196.380.100.055</b>	<b>259.630.290.423</b>

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Các cam kết**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Võ Đức Nhân	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Ủy viên HĐQT
Ông Đinh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Anh Huy	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Bùi Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phan Đình Tiến	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phan Thị Tình	Kế toán trưởng (Trước là Quyền Kế toán trưởng, bổ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 01/4/2025)

**b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	65.000.000	158.000.000
Ông Phan Anh Huy	50.000.000	100.000.000
Bà Bùi Thị Hoa	80.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Sáng	-	7.000.000
Ông Phan Đình Tiến	70.000.000	100.000.000
<b>Hoàn ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	102.166.352	180.696.440
Ông Phan Anh Huy	50.000.000	124.339.254
Ông Võ Đức Nhân	-	15.000.000
Bà Bùi Thị Hoa	80.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Sáng	-	7.000.000
Ông Phan Đình Tiến	70.000.000	100.000.000

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	-	37.166.352

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác	4.245.181.847	3.623.295.440
Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát	1.173.304.008	963.770.330
<b>Cộng (*)</b>	<b>5.418.485.855</b>	<b>4.587.065.770</b>

(\*) Chi tiết từng thành viên như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác</b>		
Ông Lê Hồng Phúc	797.844.740	685.689.603
Ông Đinh Văn Dũng	536.959.707	461.705.013
Ông Lê Quốc Khánh	934.123.660	795.119.235
Ông Võ Đức Nhân	736.746.118	627.280.713
Ông Phạm Vũ Kỳ	482.619.740	407.183.109
Ông Nguyễn Hữu Sáng	432.814.062	367.227.533
Bà Phan Thị Tình	324.073.820	279.090.234
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>		
Ông Phan Anh Huy	464.075.070	366.832.250
Bà Bùi Thị Hoa	311.581.953	266.404.284
Ông Phan Đình Tiến	397.646.985	330.533.796
<b>Cộng</b>	<b>5.418.485.855</b>	<b>4.587.065.770</b>

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Sáng

Kế toán trưởng



Phan Thị Tình



Lê Quốc Khánh